TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/DS-ST
Ngày: 06/4/2021
V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông **Phạm Văn Nhịn**.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Văn Cường**

2. Ông **Lê Văn Thành**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Lê Thị Kim Ngọc** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 495/2020/TLST–DS ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp "*Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-DS ngày 23/02/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: - Anh **Cao Văn E**, sinh năm: 1983.

- Chị **Nguyễn Thị Bích T**, sinh năm: 1983.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: - Anh **Trà Minh K**, sinh năm: 1983.

- Chị **Nguyễn Thị Ngọc N**, sinh năm: 1986.

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Anh E, chị T có mặt; Anh K; chị N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Cao Văn E và chị Nguyễn Thị Bích T cùng trình bày:

Vợ chồng anh, chị là chỗ quen biết với vợ chồng anh K, chị N. Năm 2016, anh, chị có cho anh K, chị N mượn tiền nhiều lần, cụ thể:

+ Ngày 20/3/2016, anh, chị cho anh K, chị N mượn 20.000.000 đồng;

+ Ngày 21/3/2016, anh, chị cho anh K, chị N mượn 30.000.000 đồng.

Tổng cộng hai lần mượn số tiền là 50.000.000 đồng. Hai bên có lập biên nhận ngày 21/3/2016 do anh K viết và do anh K, chị N cùng ký tên, ghi họ tên. Anh, chị đã đưa tiền đủ cho anh K và chị N. Hai bên thỏa thuận thời hạn cho mượn tiền là 03 năm, không tính lãi. Đến nay đã quá thời hạn 03 năm nhưng phía anh K và chị N vẫn chưa trả khoản tiền vốn nào cho anh, chị. Anh, chị có nhiều lần đến nhà đòi nhưng anh K và chị N cố tình hứa hẹn không trả.

Nay anh, chị yêu cầu anh K và chị N liên đới trả cho anh, chị số tiền 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn anh Trà Minh K và chị Nguyễn Thị Ngọc N không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc anh Văn E và chị T khởi kiện. Đồng thời, anh, chị vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến và yêu cầu như trên. Bị đơn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. **Về tố tụng:**

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Anh Cao Văn E, chị Nguyễn Thị Bích T kiện anh Trà Minh K, chị Nguyễn Thị Ngọc N tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ tranh chấp*: Anh Cao Văn E, chị Nguyễn Thị Bích T kiện anh Trà Minh K, chị Nguyễn Thị Ngọc N yêu cầu trả số tiền đã mượn. Xét thấy, mặc dù phía nguyên đơn khai cho mượn tiền vì không tính tiền lãi suất, nhưng hợp đồng mượn tài sản khi giao trả phải trả lại tài sản đã mượn. Còn tài sản ở đây các bên giao dịch là tiền, khi giao trả thì trả tài sản cùng loại theo số lượng, chất lượng, nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có lãi theo quy định tại Điều 463 và Điều 470 của Bộ luật dân sự.

- *Về việc vắng mặt của đương sự:* Anh Trà Minh K, chị Nguyễn Thị Ngọc N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ để dự phiên tòa xét xử việc anh Cao Văn E, chị Nguyễn Thị Bích T khởi kiện đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K và chị N.

[2]. **Về nội dung vụ án:**

Vào năm 2016, chị T và anh E có cho bị đơn anh Trà Minh K và chị Nguyễn Thị Ngọc N vay không lãi số tiền mượn tiền nhiều lần tổng cộng là 50.000.000 đồng, cụ thể:

+ Ngày 20/3/2016 vay số tiền 20.000.000 đồng;

+ Ngày 21/3/2016 vay số tiền 30.000.000 đồng.

Đến nay đã quá thời hạn nhưng phía anh K và chị N vẫn chưa trả. Chị T và anh E có nhiều lần đến nhà đòi nhưng anh K và chị N cố tình hứa hẹn không trả.

Đồng thời, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là biên nhận ngày 21/3/2016. Theo lời chị T và anh E khai do anh K viết và do anh K, chị N cùng ký tên, ghi họ tên. Theo nội dung biên nhận, anh K và chị N có mượn chị T, anh E 02 lần tổng cộng số tiền là 50.000.000 đồng, thời hạn trả tiền là 03 năm, nhưng đến nay chưa trả là có lỗi vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự.

Bị đơn anh Trà Minh K, chị Nguyễn Thị Ngọc N đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần để giải quyết và xét xử việc chị T, anh E khởi kiện nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Đồng thời, không cung cấp ý kiến cũng như lời khai đối với việc chị T, anh E kiện, xem như bị đơn đã từ bỏ quyền bảo vệ quyền lợi cho mình.

Xét chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của chị T, anh E là có căn cứ phù hợp quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, anh E. Buộc anh Trà Minh K và chị Nguyễn Thị Ngọc N trả cho chị T và anh E số tiền 50.000.000 đồng.

Mặt khác, theo nội dung biên nhận tiền đề ngày 21/3/2016, anh K và chị N không có phân chia mỗi người số tiền bao nhiêu, nên buộc anh K và chị N có trách nhiệm liên đới trả tiền theo quy định tại Điều 288 của Bộ luật dân sự.

[3]. **Về án phí:** Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, anh E, nên anh K, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân

[4]. **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 470, Điều 357 và Điều 288 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn E và chị Nguyễn Thị Bích T.

- Buộc anh Trà Minh K và chị Nguyễn Thị Ngọc N liên đới trả cho anh Cao Văn E và chị Nguyễn Thị Bích T số tiền 50.000.000 (Năm mươi triệu) đồng.

- Kể từ ngày chị T, anh E có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh K, chị N chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Trà Minh K và chị Nguyễn Thị Ngọc N chịu 2.500.000 đồng.

- Hoàn lại cho chị T, anh E số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng theo biên lai thu số 0004492 ngày 03/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm. Anh K, chị N được tính từ khi nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cái Bè;
- CCTHADS huyện Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM VĂN NHỊN